

SỬ HỌC VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX VÀ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA NÓ

TẠ NGỌC LIÊN*

Nếu nhìn lại lịch sử sử học Việt Nam từ khởi đầu (thế kỷ XIII) đến nay, chúng ta thấy trên tiến trình này có 3 thời kỳ lớn:

1. Thời kỳ ngự trị của sử học truyền thống kéo dài từ thế kỷ XIII đến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

2. Thời kỳ ra đời và trưởng thành của *sử học mới* ở nửa đầu thế kỷ XX.

3. Thời kỳ xây dựng và phát triển của nền sử học Mácxít từ khi thành lập Ban Văn Sử Địa (1953) đến hết thế kỷ XX.

Trong nửa đầu thế kỷ XX, ở Việt Nam bên cạnh *sử học mới* thì cùng với quá trình du nhập của chủ nghĩa Mác, đã xuất hiện những quan điểm lịch sử theo khuynh hướng Mácxít. Bài viết này, do điều kiện thời gian không cho phép nên chúng tôi chưa bàn tới khuynh hướng sử học Mácxít, mà chỉ nói về *sử học mới* với một số đặc điểm chính kể cả chỗ mạnh lẫn chỗ còn non yếu của nó.

I. SỰ KẾT THÚC CỦA SỬ HỌC TRUYỀN THỐNG VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA SỬ HỌC MỚI Ở VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX

Sử học truyền thống Việt Nam ra đời vào khoảng thế kỷ XIII, với các mốc quan trọng là Lê Văn Hưu viết *Đại Việt sử ký* (năm 1272);

tuy có muộn so với sử học truyền thống Trung Quốc, Nhật Bản, song nước ta thời phong kiến đã có những sử gia lớn như Ngô Sĩ Liên, Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú...

Đến cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, Việt Nam chuyển thành một nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến và dưới tác động ảnh hưởng của quá trình cận đại hóa đất nước, của văn hóa, văn minh phương Tây (chủ yếu là văn minh Pháp), toàn bộ nền tảng xã hội cổ truyền cũng như các cơ tầng văn hóa truyền thống Việt Nam bị xáo động, biến đổi theo hướng "phương Tây hóa". Trong bối cảnh chính trị, xã hội đã thay đổi ấy, sử học truyền thống tỏ ra quá lạc hậu về cả quan điểm lịch sử lẫn phương pháp làm sử, không còn thích hợp với thời đại nữa và sử học truyền thống phải kết thúc vai trò của mình, nhường chỗ cho *sử học mới* ra đời.

Người đại diện tiêu biểu nhất mở đầu cho một nền *sử học mới* ở Việt Nam đầu thế kỷ XX là Phan Bội châu. Cuốn *Việt Nam quốc sử khảo* (viết năm 1908) là tác phẩm có ý nghĩa như cái mốc đánh dấu sự ra đời nền *sử học mới* đó.

Khi viết *Việt Nam quốc sử khảo* (Khảo cứu lịch sử Việt Nam), Phan Bội Châu xác định rõ mục đích và quan niệm: Sử là sử một nước, không phải sử một nhà. Nội

*PGS. TS. Viện Sử học

dung lịch sử rất phong phú, chứ không giới hạn chật hẹp ở lịch sử một nhà, một dòng họ, lịch sử các hành vi của một ông vua. Cấu tạo nội dung cuốn *Việt Nam quốc sử khảo* bao gồm 10 chương, mỗi chương lại chia thành các tiết, khác hẳn cấu tạo của một bộ sử truyền thống. Phan Bội Châu viết quốc sử nhưng tác giả không phân chia lịch sử theo triều đại, theo từng đời vua, mà chia lịch sử Việt Nam theo những mốc biến chuyển chính trị đặt trong mối quan hệ với ngoại bang bằng các khái niệm mới, như "thời đại có chủ quyền hoàn toàn", "thời đại có chủ quyền một nửa"... đồng thời Phan Bội Châu lại chia lịch sử theo mốc tiến hóa văn minh: "*Thời đại khai hóa*", "*Thời đại từ khai hóa xu hướng lên văn minh*"... Những khái niệm này là những khái niệm sử học du nhập từ phương Tây. Phan Bội Châu cũng là người đầu tiên đưa khái niệm "nhân chủng", "nhân khẩu", "dân quyền", "dân trí" vào quốc sử Việt Nam theo quan niệm phương Tây. Thí dụ, Phan Bội Châu phân biệt rõ, nước ta thời xưa lập sổ hộ, ghi số đinh là để dựa vào đó bắt lính, thu thuế. Còn các nước châu Âu, Nhật Bản rất chú ý tới nhân khẩu (gồm cả trai và gái) nhưng không chỉ phục vụ riêng cho việc thu thuế, nộp tô mà họ xuất phát từ sự kính trọng sinh mệnh con người, dựa vào sự tăng, giảm của nhân khẩu để biết nền chính trị, dân sinh tốt hay xấu...

Có thể nói, *Việt Nam quốc sử khảo* của Phan Bội Châu mặc dầu còn nhiều non yếu, song nó vẫn là một tác phẩm quan trọng, đánh dấu thành quả buổi đầu của *sử học mới* Việt Nam thời kỳ cận đại.

II. NGUỒN GỐC TƯ TƯỞNG CỦA *SỬ HỌC MỚI* VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX MÀ PHAN BỘI CHÂU LÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN

Trước khi viết *Việt Nam quốc sử khảo*, Phan Bội Châu đã viết *Việt Nam vong quốc*

sử (in ở Trung Quốc, năm 1905) và cuốn sách này đã được đưa về Việt Nam dùng để giảng dạy tại trường Đông Kinh nghĩa thực, kêu gọi lòng yêu nước của các học viên Đông Kinh nghĩa thực.

Chúng ta đều biết vào những năm cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, ở Việt Nam khắp nơi dấy lên các phong trào vận động yêu nước, dưới nhiều hình thức, nhiều khuynh hướng khác nhau, như phong trào Duy Tân, phong trào Đông Du... Và ở đâu cũng thấy truyền bá những áng thơ, văn cổ vũ tinh thần yêu nước. Trường Đông Kinh nghĩa thực (do Lương Văn Can đứng đầu) là một trung tâm truyền bá lịch sử, văn hóa dân tộc để khơi dậy lòng tự tôn dân tộc. Một số sách giáo khoa về lịch sử, địa lý đã được biên soạn dùng làm tài liệu giảng dạy ở trường Đông Kinh nghĩa thực, trong đó có cuốn *Nam quốc địa dư* của Lương Trú Đàm (con trai Lương Văn Can) chứa đựng một nội dung yêu nước sâu sắc.

Những tư tưởng *sử học mới* giàu sức chiến đấu của Phan Bội Châu cũng như của nhiều sĩ phu yêu nước khác ở đầu thế kỷ XX, đã được bắt nguồn từ chủ nghĩa yêu nước và nó cũng gắn liền với sách báo yêu nước đầu thế kỷ mang tính phổ biến rộng rãi nhằm khích lệ cho phong trào đấu tranh dân tộc.

Có thể nói, chủ nghĩa yêu nước, tư tưởng cách mạng dân tộc trước khi có chủ nghĩa Mác-Lênin ở Việt Nam, chính là nguồn gốc tư tưởng của nền *sử học mới*, tức là sử học thời cận đại Việt Nam, với người đại biểu xuất sắc nhất là Phan Bội Châu.

Khi nói tới nguồn gốc tư tưởng *sử học mới*, tiền bộ của Phan Bội Châu, chúng ta không thể không kể đến vai trò ảnh hưởng của những tư tưởng dân chủ tư sản tiến bộ phương Tây mà Phan Bội Châu đã tiếp nhận qua sách báo Trung Quốc trong các năm tháng Phan Bội Châu hoạt động ở

Trung Quốc, Nhật Bản. Đặc biệt, Phan Bội Châu đã chịu ảnh hưởng khá nhiều tư tưởng chính trị, tư tưởng học thuật của Lương Khải Siêu.

Vào cuối thế kỷ XIX, học thuật phương Tây với tiến hóa luận Đác-uyn cùng các sách về chính trị học, xã hội học, kinh tế học, lịch sử, được truyền bá vào Trung Quốc, khai phóng tầm mắt giới trí thức Trung Quốc, làm thay đổi những quan niệm lịch sử truyền thống và các nhà thuộc phái cải lương tư sản của Trung Quốc, như Khang Hữu Vi, đã nhận thức ra là phải cải cách sử học truyền thống, hướng tới nền sử học cận đại. Người có công lớn trong việc phê phán sử học truyền thống, chủ trương đưa nền học thuật Trung Quốc, trong đó có sử học, tiến kịp thế giới, là Lương Khải Siêu.

Vào năm 1901, Lương Khải Siêu viết cuốn *Trung Quốc sử tự luận* và *Tân sử học*. Đây là hai tác phẩm quan trọng thể hiện đầy đủ lý luận về một nền *sử học mới* của Lương Khải Siêu, từng gây tiếng vang lớn ở Trung Quốc lúc đó, và nó đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với Phan Bội Châu. Phan Bội Châu gặp Lương Khải Siêu ở Nhật Bản năm 1905. Theo lời kể của Phan Bội Châu thì Lương Khải Siêu đã gợi ý Phan Bội Châu viết *Việt Nam vong quốc sử* và chính Lương Khải Siêu đã giúp Phan Bội Châu in cuốn sách này tháng 9-1905. Đọc các tác phẩm sử học của Phan Bội Châu, từ *Việt Nam vong quốc sử* đến *Việt Nam quốc sử khảo*, chúng ta thấy tư tưởng sử học của cụ in khá rõ dấu vết ảnh hưởng tư tưởng Lương Khải Siêu.

III. DIỆN MẠO NỀN SỬ HỌC MỚI Ở VIỆT NAM TỪ SAU PHAN BỘI CHÂU ĐẾN NĂM 1945

Phan Bội Châu là người đã phát hiện ra những hạn chế, sự lỗi thời của sử học truyền thống đã có công đầu trong việc đưa

sử học truyền thống hướng tới *sử học mới*, tức là sử học cận đại, theo tư tưởng học thuật phương Tây, nhưng lại gắn liền với chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.

Chúng ta coi Phan Bội Châu là người đặt nền móng cho nền *sử học mới*, nhưng thực tế phải đợi hàng chục năm sau, kể từ khi Phan Bội Châu viết *Việt Nam quốc sử khảo*, *sử học mới* Việt Nam mới bước vào giai đoạn trưởng thành, và trong khoảng thời gian 30 năm, tính tới trước Cách mạng Tháng Tám 1945, sử học ở nước ta đã đạt được những thành tựu đáng kể với những tác giả nổi tiếng mà tác phẩm của họ cho tới ngày nay vẫn còn có giá trị, hoặc vẫn còn được nhắc tới như là cái mốc quan trọng trên chặng đường phát triển của sử học Việt Nam thời cận đại: Phan Kế Bính có *Việt Nam phong tục* (viết năm 1915), nghiên cứu về các phong tục cổ truyền của người Việt Nam; Trần Trọng Kim có *Việt Nam sử lược* (xuất bản năm 1918), viết về lịch sử Việt Nam từ thời thượng cổ đến khi bị Pháp đô hộ; Ngô Vi Liên có *Địa dư các tỉnh Bắc Kỳ* (viết năm 1927), *Địa dư huyện Cẩm Giàng* (viết năm 1931), *Địa dư huyện Quỳnh Côi* (viết năm 1933), *Địa dư huyện Bình Lục* (viết năm 1935)...; Trần Văn Giáp có *Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến thế kỷ XIII* (*Le Bouddhisme en Annam des origines au XIII siècle*, xuất bản ở Pháp năm 1932), *Lược khảo về khoa cử Việt Nam từ khởi thủy đến khoa Mậu Ngọ* (1918) (xuất bản năm 1941), Nguyễn Văn Huyền có *Nhập môn nghiên cứu cư trú nhà sàn ở Đông Nam Á* (xuất bản ở Paris năm 1934), *Tục thờ cúng thần tiên ở Việt Nam* (viết bằng tiếng Pháp, xuất bản năm 1944), Văn minh Việt Nam (viết bằng tiếng Pháp, 1944)...; Đào Duy Anh có *Việt Nam văn hóa sử cương* (1938); Nguyễn Văn Tố có *Đại Nam đặt sử, Sử ta so với sử Tàu* (viết trong khoảng 1941-1944); Hoa Bằng Hoàng Thúc

Trâm có *Quang Trung anh hùng dân tộc* (1944)...

Ngoài các công trình biên khảo lịch sử mà chúng tôi cho là tiêu biểu nhất như vừa kể ra ở trên, trong những năm từ 1915-1916 đến 1945, còn có một số bộ sử cổ viết bằng chữ Hán được dịch ra Quốc ngữ, thí dụ: Phan Kế Bính dịch *Đại Nam điển lệ toát yếu*, *Đại Nam nhất thống chí* (1916), *Việt Nam khai quốc chí truyện* (1917), *Đại Nam liệt truyện tiền biên* (1918-1919); Mạc Bảo Thần dịch *Đại Việt sử ký toàn thư* (trích dịch), *Hoàng Lê nhất thống chí*...

Từ 1947-1948 đến trước 1954, ở Hà Nội còn tạm bị chiếm, dòng sử học cận đại vẫn được tiếp tục nhưng yếu ớt, vì những tác giả trụ cột của nền sử học mới này phần nhiều đã đi kháng chiến chống Pháp, như Trần Văn Giáp, Nguyễn Văn Huyền, Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Tố... Thành tựu đáng kể nhất của sử học ở Hà Nội trước ngày giải phóng Thủ đô tháng 10-1954, có cuốn *Lý Thường Kiệt* của Hoàng Xuân Hãn (1949). Sau khi sang Pháp, Hoàng Xuân Hãn cho xuất bản *La Sơn phu tử* (1953) cũng là một công trình có nhiều giá trị về sử liệu.

Nhìn lại sử học Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX tính đến trước năm 1945, xin có mấy nhận xét như sau:

1. Về lực lượng tác gia sử học

- Trước hết là Phan Bội Châu. Trong sử học Việt Nam đầu thế kỷ XX, cụ Phan ở một vị trí riêng đặc biệt. Phan Bội Châu là nhà chí sĩ cách mạng có trái tim yêu nước khổng lồ, sẵn sàng xả thân vì cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Với Phan Bội Châu, sử học, văn học là phương tiện có tác dụng to lớn phục vụ cho cuộc đấu tranh cách mạng. Vì muốn sử học phải là một công cụ sắc bén hơn nữa trong công tác tuyên truyền, cổ vũ lòng yêu nước của nhân dân nên Phan Bội Châu chủ trương cải tạo

sử học truyền thống đã lỗi thời, hướng tới một nền *sử học mới* phù hợp với yêu cầu thời đại.

Hai tác phẩm *Việt Nam vong quốc sử* và *Việt Nam quốc sử khảo*, chứng minh rõ mục đích viết sử của Phan Bội Châu là lấy sử học để thức tỉnh tinh thần ái quốc toàn dân, đồng thời qua hai tác phẩm này, đặc biệt là qua *Việt Nam quốc sử khảo*, cũng xác lập rõ công lao của Phan Bội Châu trong việc mở đầu cho sử học Cận đại Việt Nam.

Nếu phân loại các tác gia sử học Cận đại Việt Nam từ 1915 đến 1945, chúng ta thấy có hai bộ phận: một bộ phận viết sử tư nhân và một bộ phận gồm những nhà nghiên cứu làm việc tại cơ quan học thuật chính thức do người Pháp lập ra là Trường Viễn Đông bác cổ Pháp.

Ở bộ phận viết sử tư nhân có Phan Kế Bính, Trần Trọng Kim, Ngô Vi Liễn, Trúc Khê Ngô Văn Triện, Đào Duy Anh, Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm (và cả Hoàng Xuân Hãn sau đó)... Những người này là những trí thức vừa có Nho học, vừa có Tây học. Có người là viên chức cao cấp của chính quyền đương thời, có người từng tham gia hoạt động chính trị rồi từ giả chính trị chuyển sang viết báo, viết sử... Nói chung, họ đều yêu thích lịch sử và văn hóa dân tộc. Những tác phẩm sử học của họ được viết ra có lẽ cũng không ngoài động cơ vì yêu thích lịch sử mà viết. Và hơn nữa, họ cũng muốn góp phần vào việc xây dựng một nền *sử học mới* của nước nhà.

Ở bộ phận những tác gia sử học công tác tại Trường Viễn Đông bác cổ Pháp ở Hà Nội có Nguyễn Văn Tố, Trần Văn Giáp, Nguyễn Văn Huyền... Những học giả này đều được đào tạo rất căn bản về học vấn, đặc biệt là Nguyễn Văn Huyền, Trần Văn Giáp. Trần Văn Giáp sang Pháp năm 1927, vừa làm trợ giáo Trường Ngôn ngữ Đông phương Paris, vừa theo học các trường Cao học thực hành

Sorbonne, Khoa Lịch sử, Ngữ văn và Tôn giáo (École pratique des Hautes Études de la Sorbonne, Section des sciences historiques, philologiques et religieuses). Tại đây, Trần Văn Giáp đã bảo vệ thành công xuất sắc luận án *Le Bouddhisme en Annam, des origines au XIII siècle* (Luận án này đã được in thành sách và được gửi đi các học viện Phật học trên thế giới); Học viện Cao học Hán văn, Khoa Thư mục học (Institut de Hautes Études Chinoises de Paris, Section de Bibliographies). Luận án được bảo vệ ở đây là *Những chương thư tịch chí của Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú (Les Chapitres bibliographiques de Le Quy Don et de Phan Huy Chu)*, cùng một số trường hợp khác nữa với các bộ môn học Văn minh Trung Hoa, Ngữ âm thực hành... Năm 1932, Trần Văn Giáp về nước, tiếp tục làm việc ở Trường Viễn Đông bác cổ. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Trần Văn Giáp đi kháng chiến.

Nguyễn Văn Huyền du học ở Pháp từ 1926 đến cuối năm 1935 về nước. Trong những năm học tập tại Pháp, ông đã lần lượt thi đỗ tú tài, cử nhân văn chương, cử nhân luật và tới năm 1934, Nguyễn Văn Huyền đã bảo vệ thành công xuất sắc luận án tiến sĩ ở Đại học Sorbonne, Paris, với đề tài chính là *Hát đối của nam nữ thanh niên ở Việt Nam*, và luận án phụ: *Nhập môn nghiên cứu cư trú nhà sàn ở Đông Nam Á*. Hai bản luận án này đã được in thành sách trong năm 1934 và được giới học giả Pháp cùng một số nước khác ở châu Âu đánh giá cao. Nguyễn Văn Huyền được coi là nhà dân tộc học, nhà nghiên cứu văn hóa dân gian xuất sắc. Sau khi về nước, Nguyễn Văn Huyền vào làm việc ở Trường Viễn Đông bác cổ Pháp và ông tập trung đi sâu nghiên cứu các vấn đề lịch sử văn hóa Việt Nam như: tín ngưỡng thờ thành hoàng, tục thờ cúng thần tiên, phong tục Việt Nam, vấn đề nông dân ở Bắc Kỳ...

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ và Nguyễn Văn Huyền lên đường đi kháng chiến.

Lực lượng các nhà nghiên cứu lịch sử dân tộc ở nước ta từ những năm 20 đến 1945 không đông đảo như giới văn học (dời nào cũng vậy, sử gia bao giờ cũng ít hơn văn gia, thi gia), nhưng họ đều là những học giả uyên bác, có công lao thật sự trong việc xây dựng một nền *sử học mới* của nước nhà, mặc dầu đó là nền *sử học mới* còn non trẻ, còn ở giai đoạn chưa phân chia thành các bộ môn chuyên sâu sử học, dân tộc học... Riêng khoa khảo cổ học, người Việt Nam hình như chưa có ai đi vào, ngoài cụ Nguyễn Văn Tố viết luận văn *Tiền sử Bắc Kỳ* (đăng trên tập san của Hội Trí Tri). Có một điểm cũng đáng chú ý là khi nhìn vào lực lượng những người nghiên cứu sử ở giai đoạn trước 1945, chúng ta thấy không chỉ riêng bộ phận học giả làm việc tại Trường Viễn Đông bác cổ Hà Nội - một cơ quan học thuật chuyên nghiệp, mà cả một số nhà nghiên cứu tự do, thuộc diện "sử tư nhân", ở họ cũng mang tính chuyên nghiệp khá cao.

2. Sử học mới ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX với những vấn đề lý luận và phương pháp sử học

Nhìn lại cả quá trình ra đời và trưởng thành của *sử học mới* ở nước ta nửa đầu thế kỷ XX, chúng ta thấy có một số vấn đề mang tính lý luận đã được đặt ra, song nói chung còn non yếu và rụt rè; hay nói đúng hơn là tư duy lý luận về sử học của các bậc trí giả lúc ấy chưa đủ đạt tới độ chín muồi.

Nếu so sánh với quá trình hình thành, phát triển nền *sử học mới* ở Trung Quốc vào cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX (tức là cũng gần đồng thời với Việt Nam), thì thấy ở nước ta sự ra đời của *sử học mới* thay thế sử học truyền thống diễn ra khá êm ả, khác với tình hình ở Trung Quốc, rất sôi động và mạnh mẽ.

Vào cuối thế kỷ XX, học thuật phương Tây với tiến hóa luận học của Đác-uyn và các tác phẩm chính trị học, kinh tế học, xã hội học... được giới thiệu, truyền bá tại Trung Quốc, gây tác động ảnh hưởng lớn đối với học giới Trung Quốc, khiến họ nhận thức ra rằng sử học truyền thống Trung Quốc từ quan niệm đến phương pháp không còn thích ứng với thời đại mới nữa và những nhà cải lương theo tư tưởng tư sản mà đại biểu là Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Chương Thái Viêm... tự thấy có trách nhiệm phải xây dựng một nền *sử học mới*. Họ viết sách bàn về lý luận *sử học mới*, phê phán sử học truyền thống. Thí dụ, Khang Hữu Vi trên quan điểm tiến hóa luận lịch sử, viết *Công Lương tam thế thuyết, Tân học ngục kinh khảo, Khổng Tử cải chế khảo*, công kích mạnh vào lối nghiên cứu sách vở kinh điển xưa (gọi là *kinh học truyền thống*). Đặc biệt là Lương Khải Siêu (môn đồ Khang Hữu Vi), với hai tác phẩm *Trung Quốc sử tự luận* và *Tân học sử* (viết năm 1901), ông đã vạch ra tính chất cạn hẹp, phiến diện của sử học truyền thống là chỉ ghi chép sự việc của một cá nhân mà không biết tới quần chúng nhân dân, chỉ nói tới triều đình mà không nói tới quốc gia..., đồng thời Lương Khải Siêu cũng xác lập nhiệm vụ của các nhà *sử học mới*...

Trong *sử học mới* ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX, nhất là vào giai đoạn chuyển biến mang ý nghĩa bước ngoặt kết thúc vai trò của sử học truyền thống, tuy không có những đầu óc lý luận tầm cỡ như Khang, Lương, nhưng chúng ta cũng đã có một Phan Bội Châu thật đáng kính phục. Mặc dầu Phan Bội Châu không từ nhận thức khoa học để đề xuất việc xây dựng nền *sử học mới*, mà chủ yếu cụ Phan xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn cách mạng lúc đó đòi hỏi phải đổi mới sử học truyền thống, sử dụng sử học vào mục đích phục vụ đấu

tranh cách mạng. Nhờ những năm tháng bôn ba ở Nhật Bản, Trung Quốc, và tại đây có dịp tiếp xúc với sách vở phương Tây, tiếp xúc với các nhà hoạt động cách mạng theo tư tưởng tư sản phương Tây như Lương Khải Siêu..., Phan Bội Châu đã tiếp thụ được những quan niệm sử học mới mẻ. Như đã đề cập ở trên, khi viết *Việt Nam quốc sử khảo*, cụ Phan đã nêu lên một số vấn đề mang tính lý luận sử học, mang âm hưởng mới mẻ của thời đại với những khái niệm "thời đại dã man", "thời đại khai hóa", "dân quyền", "dân số"...

Phan Bội Châu dù sao vẫn là người sinh trưởng trong môi trường văn hóa nho gia, vẫn học tập theo lối từ chương khoa cử, vẫn vác lều chống di thi. Những tư tưởng chính trị, học thuật phương Tây thế kỷ XIX mà Phan Bội Châu áp ủ, cũng chỉ là được tiếp nhận gián tiếp qua "Tân thư", qua mối giao tiếp với các nhà cách mạng cải lương Trung Quốc. Những quan niệm mới mẻ về lịch sử, những nhận thức mang tính chất lý luận ở Phan Bội Châu quả là một bước đột phá đối với nền học thuật vốn trì trệ, bảo thủ của nước ta. Song cũng phải thừa nhận rằng, những "yếu tố thời đại" trong lý luận về *sử học mới* của Phan Bội Châu vẫn nằm trong giới hạn ảnh hưởng của tư tưởng Khang, Lương, một cấp độ tư tưởng thường đung đưa giữa tư tưởng cũ và tư tưởng mới.

Sau Phan Bội Châu thì đến thế hệ các học giả với nhiều người được học tập, đào tạo trực tiếp ở nhà trường của Pháp, hoặc tại Việt Nam, hoặc tại Pháp, như Trần Trọng Kim (tốt nghiệp Trường Thông ngôn, sang Pháp học Trường Sư phạm), Nguyễn Văn Tố (tốt nghiệp Trường Thông ngôn), Ngô Vi Liễn (học Cao đẳng luật), Trần Văn Giáp, Đào Duy Anh (học Trường Quốc học Huế), Nguyễn Văn Huyền, Hoàng Xuân Hãn...

Trừ trường hợp Hoàng Xuân Hãn vốn học khoa học tự nhiên rồi chuyển sang

ngiên cứu sử học, văn học, còn hầu hết các vị học giả kia đều được đào tạo và bắt đầu sự nghiệp bằng các khoa học xã hội và nhân văn như lịch sử, dân tộc học, địa lý học, thư tịch học, văn hóa học...

Sự uyên bác và vững chắc trong học thuật được thể hiện qua các công trình nghiên cứu về lịch sử và văn hóa của Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Tố, Trần Văn Giáp, Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Huyền... viết vào nửa đầu thế kỷ XX, khiến chúng ta không thể không kính phục.

Tuy nhiên, nếu nhìn trên bình diện lý luận, sử học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX thiếu vắng thành tựu lý luận. Có thể nói, từ Trần Trọng Kim đến Trần Văn Giáp, Nguyễn Văn Tố..., các học giả này không bàn về lý luận và phương pháp luận cho một nền *sử học* mới mà chính họ đã có công không nhỏ để xây dựng nó.

Có lẽ cần nói một cách công bằng hơn: Các tác giả sử học Việt Nam ở nửa đầu thế kỷ XX, mặc dầu không phát ngôn về những vấn đề lý luận, song trong cấu trúc nội dung tác phẩm của họ, vẫn thể hiện rõ các quan niệm lịch sử đối với từng vấn đề mà tác giả muốn trình bày. Đặc biệt ở *Lời tựa*, *Lời nói đầu* các công trình sử học, bao giờ tác giả cũng trình bày mục đích cùng phương pháp biên soạn của mình. Chính ở đây, những quan điểm lịch sử, những ý kiến mang tính lý luận của sử gia được bộc lộ đầy đủ nhất. Chẳng hạn, trong *Lời tựa*, sách *Việt Nam sử lược*, Trần Trọng Kim xác định mục đích và ý nghĩa của sử, theo quan niệm sử học là một khoa học:

"Sử là sách không những chỉ để ghi chép những công việc đã qua mà thôi, nhưng lại phải suy xét việc gốc ngọn, tìm tòi cái căn nguyên những công việc của người ta đã làm để hiểu cho rõ những vận hội trị loạn của một nước, những trình độ tiến hóa của một dân tộc...".

Về thể tài và phương pháp biên soạn sử, sau khi phê phán sử học truyền thống *"cái lối làm sử của ta theo lối biên niên của Tàu, nghĩa là năm nào tháng nào, có chuyện gì quan trọng thì nhà làm sử chép vào sách. Mà chép một cách rất vắn tắt, cốt để ghi lấy chuyện ấy mà thôi, chứ không giải thích cái gốc ngọn và sự liên can việc ấy với việc khác là thế nào..."*, Trần Trọng Kim viết: *"... Ta soạn ra bộ Việt Nam sử lược, xếp đặt theo thứ tự, chia ra từng thời đại, đặt thành chương, thành mục rõ ràng, để ai ai cũng có thể xem được sử..."*.

Cũng trên một cấp độ tư duy gần gũi với Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Tố khi viết *Sử ta so với sử Tàu*, đã định hướng theo nhận thức sử học là một khoa học và đề xuất những phương pháp nghiên cứu mới. Nguyễn Văn Tố viết: *"Sử học cũng như khoa học, không chủ ý làm sách cho dày, chỉ cốt tìm được nhiều điều mới, xưa nay chưa ai nói đến"*.

Nguyễn Văn Tố đã nêu lên phương pháp nghiên cứu *sử học* mới, với các khái niệm "so sánh", "tổng hợp", "phân tích". Với *Sử ta so với sử Tàu*, Nguyễn Văn Tố gần như là người đầu tiên, đặt vấn đề nghiên cứu sử học theo phương pháp so sánh. Nguyễn Văn Tố viết: *"Còn một việc nữa, làm ngay được, mà chưa ai để ý là đem chữ Hán của ta đối chiếu với sử Tàu. Tôi định lấy những đoạn chưa ai chép ra Quốc ngữ, so sánh xem hai đằng khác nhau như thế nào: việc ấy rất dễ nhưng cũng không khỏi thiếu, song cũng nên làm, thì mới mong sau này bổ cứu dần dần để giúp vào việc tổng hợp"*.

Nguyễn Văn Tố cũng là người đầu tiên đặt vấn đề phải có các nhà nghiên cứu chuyên sâu vào một thời kỳ lịch sử, vào một lĩnh vực hẹp. Nguyễn Văn Tố nói: *"... Nếu có nhiều người chịu khó giúp sức lại..., mỗi người chuyên trị một khoa hoặc một thời, thì may ra mới chóng tới ngày tổng hợp"*.

Một đóng góp khác về tư tưởng học thuật của Nguyễn Văn Tố cũng rất có ý nghĩa, mặc dầu chỉ là những gợi mở ban đầu. Đó là vấn đề sử liệu học. Trước kia, khi viết *Việt Nam sử lược*, Trần Trọng Kim đã thực hiện công việc sưu tầm tư liệu khá rộng và nghiêm túc. Ông kể lại: "*Soạn giả đã cố sức xem xét và gộp nhặt những sự ghi chép ở các sách chữ Nho và chữ Pháp, hoặc những chuyện rài rác ở các dã sử, rồi đem trích bỏ những sự huyền hoặc đi mà soạn ra bộ sách này...*" (Tựa - *Việt Nam sử lược*).

Cũng đề cập vấn đề tài liệu lịch sử, nhưng cụ Nguyễn Văn Tố nói mang tính khái quát lý luận hơn:

"Sử ta đã đến thời kỳ tổng hợp chưa?"

Kể đại cương về các đời vua, thì những quyền sử Nam xuất bản từ trước đến giờ, cũng có thể gọi là tạm đủ. Nhưng xét đến sự sinh hoạt của dân chúng, việc tuyển lính, cách thi học trò, sự giao thiệp với các nước láng giềng..., thì hãy còn thiếu nhiều lắm. Phải tìm lâu thì may mới thấy, mà sử liệu không những ở văn thư, còn ở các đồ cổ tích nữa" (Sử ta so với sử Tàu).

"Các đồ cổ tích" mà cụ Tố nói là các văn hóa khảo cổ học.

Nhìn chung, các nhà sử học mới ở nước ta nửa đầu thế kỷ XX, khi trình bày về những vấn đề lịch sử, thường không đạt tới cấp độ tư duy lý luận, không hình thành được những luận điểm khoa học, mà chỉ dừng lại ở việc diễn giảng với những ý kiến có tính lý luận như vừa lược thuật ở trên. Có thể xem sự thiếu vắng lý luận là một đặc điểm non yếu của sử học mới ở nước ta nửa đầu thế kỷ XX.

3. Thông sử và chuyên sử ở nửa đầu thế kỷ XX

Cống hiến quan trọng của các nhà sử học nước ta nửa đầu thế kỷ XX đối với việc xây dựng nền sử học mới của dân tộc là ở chỗ họ đã biên soạn được những công trình

có giá trị về *thông sử* và *chuyên sử*, để lại những dấu ấn đậm nét, đánh dấu một bước phát triển hoàn toàn mới trong lịch sử sử học Việt Nam.

Nếu thống kê các tác phẩm thuộc về sử học được viết trong nửa đầu thế kỷ XX (tính đến trước Tháng Tám 1945), chúng ta thấy số lượng sách *chuyên sử* chiếm nhiều nhất, còn sách *thông sử* chỉ có một bộ là *Việt Nam sử lược* (ở đây tôi không kể tới một số cuốn sách giáo khoa về lịch sử Việt Nam, vì nó rất ít giá trị học thuật).

Để tài nghiên cứu của các công trình *chuyên sử* trong nửa đầu thế kỷ XX tập trung vào một số vấn đề về phong tục tập quán, địa chí hành chính các tỉnh, huyện Bắc Kỳ, tôn giáo, tín ngưỡng, giáo dục khoa cử, cuộc đời và sự nghiệp các anh hùng dân tộc...

Mặc dầu các đề tài *chuyên sử* ở nửa đầu thế kỷ XX mới tập trung vào lịch sử văn hóa, chưa chú trọng đến những vấn đề kinh tế, song những tác phẩm *chuyên sử* đó là những thành tựu học thuật hết sức quý giá và quan trọng. Chỉ có một điều đáng tiếc là có một số công trình khi sách được in ra, lập tức gây được tiếng vang lớn ở Pháp và ngày nay được chúng ta đánh giá rất cao, như các công trình về dân tộc học, về văn hóa tín ngưỡng Việt Nam... của học giả Nguyễn Văn Huyền nhưng lại xuất bản bằng tiếng Pháp tại Paris mà gần đây mới được dịch ra Việt ngữ. Vì vậy, tác động của các công trình này đối với thực tiễn đời sống văn hóa xã hội trong nước khi ấy không rộng rãi.

Đối tượng độc giả của những công trình học thuật của Nguyễn Văn Huyền trước hết không phải là người Việt Nam, bởi lẽ hầu như tất cả các tác phẩm của Nguyễn Văn Huyền đều viết bằng tiếng Pháp, ngay cả khi Nguyễn Văn Huyền đã về sống và nghiên cứu ở trong nước.

Hai tác phẩm quan trọng của Trần Văn Giáp là *Phật giáo Việt Nam từ khởi thủy đến thế kỷ XIII* và *Những thiên thư tịch chí của Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú*, cũng đều công bố bằng tiếng Pháp tại Paris. Nghĩa là nó cũng bị hạn chế như công trình của Nguyễn Văn Huyền, không được xã hội hóa ở Việt Nam. Nhưng đối với Trần Văn Giáp, từ sau khi về nước (1932), tiếp tục làm việc ở Trường Viễn Đông bác cổ, ông vẫn miệt mài nghiên cứu về thư tịch cổ Việt Nam, Trung Quốc, về lịch sử Phật giáo Việt Nam, về lịch sử giáo dục khoa cử và công bố kết quả nghiên cứu của mình bằng tiếng Việt, cho nên các công trình của Trần Văn Giáp gắn chặt với đời sống học thuật dân tộc.

Trong thành tựu của *sử học mới* Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX, *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim là một công trình học thuật có ý nghĩa và có vị trí đáng kể. Gần đây, *Việt Nam sử lược* đã được tái bản. Trong nhiều năm qua, những người yêu thích sử vẫn tìm đọc *Việt Nam sử lược*, khen ngợi tác phẩm này, với lý do đơn giản, đây là một bộ sử có nhiều sử liệu, nhiều sự kiện lịch sử, ít những lời bình tán mang tính chủ quan...

Từ góc độ người nghiên cứu lịch sử sử học Việt Nam mà đánh giá *Việt Nam sử lược*, chúng ta thấy trong *sử học mới* nửa đầu thế kỷ XX, bộ sách của Trần Trọng Kim có một vị trí đặc biệt bởi vì:

Việt Nam sử lược là bộ *thông sử* đầu tiên ở nước ta được biên soạn theo quan niệm và phương pháp mới, khác hẳn sử học truyền thống. Dù mới là giản sử, song nội dung của nó rộng lớn, bao quát toàn bộ tiến trình lịch sử Việt Nam từ thượng cổ đến khi thực dân Pháp đặt nền thống trị ở nước ta. Trong *Việt Nam sử lược*, ngoài chính trị, quân sự, tác giả còn chú ý trình bày các mặt kinh tế, văn hóa, giáo dục, trong đó có

các vấn đề quan chế, luật pháp, thuế má, thủy lợi, ngoại giao...

Việt Nam sử lược không chỉ là bộ *thông sử* đầu tiên mà còn là bộ *thông sử* viết bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên ở nước ta.

Chúng ta đều biết các sách sử Việt Nam được biên soạn từ thế kỷ XIII đến hết thế kỷ XIX, đều viết bằng chữ Hán. *Việt Nam quốc sử khảo* của Phan Bội Châu, tác phẩm được coi là cái mốc mở đầu cho *sử học mới* ở Việt Nam vẫn viết bằng chữ Hán. Khi viết *Việt Nam sử lược*, Trần Trọng Kim có ý thức rõ là phải thay thế chữ Nho bằng chữ Quốc ngữ để viết sử nước nhà. Sau khi nêu lên sự lỗi thời, sự khó khăn trong việc truyền bá lịch sử bằng chữ Nho, tác giả *Việt Nam sử lược* viết: "*Nay nhân sự học ở nước ta đã thay đổi, chữ Quốc ngữ đã phổ thông trong cả nước, chi bằng ta lấy tiếng nước nhà mà kể chuyện nước nhà, ta soạn ra bộ Việt Nam sử lược...*".

Đặt trong bối cảnh văn hóa nước nhà những năm đầu thế kỷ XX, khi số người biết chữ Nho còn rất đông và chữ Quốc ngữ chưa bước vào giai đoạn thật nhuần nhuyễn như ở thời kỳ 1930-1945, thì việc Trần Trọng Kim dùng chữ Quốc ngữ để viết bộ *thông sử Việt Nam sử lược* là một đóng góp có ý nghĩa đối với nền học thuật dân tộc.

Giá trị không thể không ghi nhận của bộ *Việt Nam sử lược*, có lẽ chính là ở mấy điều vừa nêu ở trên.

Một điểm nữa cũng cần được đánh giá tốt đối với ngòi bút viết sử của Trần Trọng Kim là trong *Việt Nam sử lược*, ngoài thái độ cẩn mật, nghiêm túc ra, tác giả còn nêu cao tinh thần khách quan, tôn trọng sự thật lịch sử được ghi chép ở sử cũ. Trần Trọng Kim viết: "*Thời đại nào nhân vật ấy và tư tưởng ấy, soạn giả cứ bình tĩnh cố theo cho đúng sự thực. Thành thạo có một đôi nơi soạn giả có đem ý kiến riêng của mình mà bàn với độc giả...*".

Tính khách quan và tinh thần tôn trọng sự thật lịch sử bao giờ cũng là đạo đức của nhà sử học.

4. Phương pháp nghiên cứu thực chứng trong sử học mới ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX

Một trong những đặc điểm nổi bật của sử học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX là các nhà sử học thời kỳ này hết sức coi trọng phương pháp khảo nghiệm theo khoa học thực chứng, tức là coi trọng việc tìm kiếm tư liệu, giám định, hiệu chỉnh sử liệu, khôi phục sự kiện, tạo dựng lại bức tranh lịch sử một cách khách quan, không tô vẽ lịch sử theo chủ quan của mình. Phương pháp nghiên cứu này thể hiện khá rõ qua các công trình học thuật của Trần Trọng Kim, Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Tố...

Đặc biệt, Trần Văn Giáp, Nguyễn Văn Huyền và Hoàng Xuân Hãn là những học giả đã vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học theo chủ nghĩa thực chứng một cách thấu đáo.

Trần Văn Giáp, Nguyễn Văn Huyền đều được đào tạo theo trường phái học thuật của Trường Viễn Đông bác cổ Pháp. Thí dụ, Trần Văn Giáp - ông học chuyên sâu vào Thư tịch học - môn khoa học về sách vở, là nguồn gốc văn hiến, nguồn gốc khoa học lịch sử của dân tộc. Đọc các công trình của Trần Văn Giáp, chúng ta thấy nó rất vững chắc, bởi các nguồn tài liệu sách vở vừa đầy đủ, phong phú, vừa đã được giám định chính xác...

Hoàng Xuân Hãn cũng vậy, ông đã áp dụng phương pháp khảo nghiệm chính xác của khoa học tự nhiên vào nghiên cứu lịch sử; trước hết là nghiên cứu các nguồn sử liệu,

từ sách vở đến bi ký, minh chung... *Lý Thường Kiệt* của Hoàng Xuân Hãn là công trình sử học in đậm dấu ấn của phương pháp nghiên cứu khoa học này.

Đào Duy Anh tuy không được đào tạo trực tiếp theo trường phái sử học Pháp ở Trường Viễn Đông bác cổ Pháp, nhưng ông tiếp nhận phương pháp nghiên cứu thực chứng phương Tây gián tiếp qua các tác giả, tác phẩm sử học thực chứng cận đại Trung Quốc hồi đầu thế kỷ XX.

Trong sử học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX, còn có những học giả như Phan Kế Bính, Trúc Khê Ngô Văn Triện, Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm... với phương pháp nghiên cứu theo một mô hình riêng, một hướng tiếp cận sử học riêng mà tác giả bài viết này chưa định vị được về phương pháp nghiên cứu đó.

Nhưng nhìn khái quát có thể nói rằng, *sử học mới* ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX là sử học có nền móng của chủ nghĩa thực chứng Cận đại phương Tây. Đó là một bước tiến bộ quan trọng trong lịch sử sử học Việt Nam.

Sử học mới ở Việt Nam ra đời cách đây hơn 90 năm và nó tồn tại, phát triển trong vòng hơn 30 năm. Thời gian ấy không dài, nhưng nền *sử học mới* Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX đã để lại một thành tựu lớn với nhiều tác phẩm có giá trị vững chắc. Nhiều nhà sử học nổi tiếng của *sử học mới* sau này đã trở thành trụ cột trong nền sử học Mácxít Việt Nam.

Trong sự phát triển của lịch sử sử học Việt Nam, *sử học mới* ở nửa đầu thế kỷ XX là một cái mốc quan trọng, là điểm tựa không thể thiếu cho sử học Mácxít trưởng thành và phát triển sau này.